

SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT NGUYỄN BÌNH KHIÊM - TÀ HINE

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2025 - 2026

Áp Dụng Từ tuần 19 (12/01/2026_tuần 01 Học kỳ II)
(Kèm theo Quyết định số 43/QĐ-NBK ngày 03 tháng 9 năm 2026)

TT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN		KÝ HIỆU	PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY	CHỦ ĐỀ	TỔNG SỐ TIẾT DẠY	KIỂM NGHIỆM	CHỦ NHIỆM	SỐ TIẾT HKII		Dự kiến tổng số tiết dư, thiếu cả năm			Ghi chú
									Tổng	Dư, thiếu/tuần	Số tiết HKI			
TỔ CHUYÊN MÔN: TOÁN - TIN														
1	BÙI VĂN TIỆN	ĐP1	GDĐP: 11_CDD5_8 tiết (7 tiết học + 1 kiểm tra giữa HKII) x 9 lớp = 72 tiết/năm		2	HT			17	2			0	
2	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	T1	Toán: 12A2,8; 10A1.	Toán: 12A2,8; 10A1	15	TTCM			15	-2	19	0		
3	DƯƠNG THANH HẢI	T2	Toán: 12A1,6; 11A9	Toán: 12A1,6; 11A8,9	13		12A1	17	0	17	0			
4	LÔ VĂN KHOA	T3	Toán: 12A3,7; 11A2	Toán: 12A3,7; 11A2,3	13		11A2	17	0	17	0			
5	NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG	T4	Toán: 12A4,5; 10A9	Toán: 12A4,5; 10A9	12		10A9	16	-1	16	-35	Cân đối tiết phụ đạo và ôn thi TN		
6	NGUYỄN VĂN VIÊN	T5 HN3	Toán: 10A2,3,8;	Toán: 10A3,8	11		10A3	15	0	15	-48	Giảm HN 10A4,9 (từ tuần 19 đến hết tuần 30) Cân đối tiết phụ đạo trong tổ		
7	LÊ THỊ THẢO HUYỀN	T6	Toán: 11A3,4,5,8	Toán: 11A5	13		11A5	17	0	17	0			
8	HỒ THỊ HOA MAI	T7	Toán: 11A1,6,7	Toán: 11A1,4,6,7	13		11A6	17	0	17	0			
9	NGUYỄN PHƯƠNG HIẾU	T8	Toán: 10A4,5,6,7	Toán: 10A2,4,5,6,7	17			17	0	17	0			
10	HOÀNG THỊ BẠCH TUYẾT	TH1	Tin: 12A1,2,7,8,9; 10A1,2,8,9		18	TP		19		19	dư 2			
11	DƯƠNG TRỌNG CẢNH	TH2	Tin: 12A3,4,5,6; 11A3,4,5,6; 10A4,5.		20			20		20	dư 3			
12	TRẦN THỊ OANH	T9 TH3	Toán 12A9; Tin: 10A3,6,7; 11A1,2,7,8,9;	Toán 12A9	20			20		20	dư 3			
TỔ CHUYÊN MÔN: NGỮ VĂN														
1	NGÔ THỊ NGÀ	V1	Văn: 11A1;12A4,8	12A8	10	TTCM		13	-4	16,7	-5	Cân đối tiết phụ đạo và ôn thi TN		
2	PHẠM THỊ NHÃ	V2	Văn: 11A3,7; 12A3,7	11A7; 12A7	14		12A7	18	1	18	35			
3	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	V3	Văn: 10A2,4; 12A1,6	12A6	13		12A6	17	0	17	0			
4	LÊ THỊ BÍCH LAN	V4	Văn: 12A5,9	thỉnh giảng	6			6		6	0			
5	LÊ THỊ THƯƠNG	V5 HN10	Văn: 10A7; 11A4; HN: 12A1,2,3	10a7	13		10A7	17	0	17	0			

6	DA	LEN	V6 HN6	Văn: 12A2; 11A5,6; HN: 12A4,5,6	11A5,6	17			17	34	17	0	
7	LÊ THỊ THU	THÙY	V7 HN7	Văn: 11A2;8,9; HN 12A7,8,9	11A8,9	17			17	0	17	0	
8	VŨ PHƯƠNG	UYỀN	V8	Văn: 10A1;5,8	10A5,8	11		10A1	15	-2	17	2	
9	ĐẶNG THỊ NGỌC	HUYỀN	V9	Văn: 10A3,6,9	10A6,9	11		10A6	15	-2	16,6	-7	Cân đối tiết phụ đạo với cô Diễm

TỔ CHUYÊN MÔN: TIẾNG ANH

1	VŨ THỊ YẾN	VÂN	A1	Anh: 12A1,4,9; 10A4,6		15	TTCM		18	1	18	31	
2	NGUYỄN TRẦN NGỌC ANH		A2	Anh: 11A2,7; 12A2,8		12		11A7	16	-1	16		Thiếu 35 tiết, dạy 1 lớp chưa đạt K11
3	LÊ TRẦN KIM	CHI	A3 HN9	Anh: 12A,5; 10A2,9 + HN 11A3,6		13		12A5	17	0	17	0	
4	HOÀNG THỊ KHÁNH	HUYỀN	A4	Anh: 11A1,4,8,9		12		11A9	16	-1	16		Thiếu 35 tiết, dạy 1 lớp chưa đạt K11
5	NGUYỄN THỊ VY	NGÂN	A5	Anh: 12A3,6,7; 10A8		12		10A8			16		Thêm lớp 10A5 từ tuần 24 từ cô Nhi
6	ĐOÀN NGUYỄN TÚ	NHI	A6 HN5	Anh: 10A1,3,5,7+HN 11A2,8,9		18					18		Giảm lớp 10A5 từ tuần 24 cho Cô Ngân
7	PHÍ ĐÌNH	PHÚC	A7 HN8	Anh 11A3,5,6+HN 11A1,4,5,7		17			17	0	17	0	

TỔ CHUYÊN MÔN: LÝ - CÔNG NGHỆ

1	NGUYỄN THỊ PHÚC DIỄM	L1 HN1	Lý: 12A1; 10A1,2; H.Nghiệp: 10A1,2,3.	Lý: 12A1; 10A1,2	15	TTCM		18	1	18			
2	LÊ THỊ THÙY	NGA	L2 HN2	Lý: 12A4; 11A1,2; H.Nghiệp: 10A7,8.	Lý: 12A4; 11A1,2;	13	TKHĐ	11A1	19	2	19		
3	HUỖNH THỊ NHƯ NGỌC	L3 ĐP3	Lý: 12A2; 10A3,4	Lý: 12A2; 10A3,4;	9		10A4	13	-4	16			
4	NGUYỄN THỊ THÁI TUYÊN		<i>Nghỉ hậu sản (04/8/2025 - 03/02/2026)_tuần 21 đi dạy lại (14 tiết x 15 tuần = 210 tiết)</i>										
5	PHẠM QUỲNH AN THƯ	L5 ĐP5	Lý: 12A3; 11A3,4 GDĐP: 10A1-A9 (CĐ5_9 tiết (7 tiết học, 01 tiết ktra giữa HKII, 1 ktra cuối HKII) x 9 lớp = 81. Dạy từ tuần 27 đến tuần 35)	Lý 12A3; 11A3,4	13		12A3	15	-2	19			

Cân đối tiết
khi cô Tuyên ra dạy lại và tiết
phụ đạo, ôn thi TN trong tổ

6	TRẦN KIM QUỐC	TUÂN	CN1 HN4	Công nghệ: 12A5,6,7,8,9; HN: 10A5,6		14		10A5	18	1			
TỔ CHUYÊN MÔN: Hóa - Sinh - GDTC - GDQPAN - CN													
1	PHẠM THỊ TỎ	NGA	SH1 NN1	Sinh: 12A1,2; 11A2,4; 10A1,2; N.Nghiep: 10A5		14	TTCM	3	17	0	17	0	
2	ĐỖ THỊ QUỲNH	NHI	SH2 NN2	Sinh: 12A3,4; 11A1,3; N. Nghiep: 11A6,7		12		11A3	16	-1	18	0	
3	PHẠM THÚY	VŨ	SH3 NN3	Sinh: 10A3,4; N. Nghiep 10A6,7,8,9; 11A8,9,5		18			18	1	16	0	
4	NGUYỄN THỊ XUÂN	TRÌNH	H1	Hóa: 12A3,4 11A4; 10A1;	12A3,4; 11A4; 10A1	12		11A4	16	1	-18	-35	Cân đối tiết phụ đạo và ôn thi TN
5	ĐINH TIẾN	KHOA	H2	Hóa: 12A1 (Thinh giảng)	12A1	3			3		3		
6	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	H3 DP2	Hóa: 12A2; 11A1,2;	12A2; 11A1,2.	9		12A2	13		15	-77	GDĐP: 10A7_9_CD4_6 tiết x 3 lớp = 18 tiết. Dạy từ tuần 21 đến hết tuần 26; GDĐP: 12_CD1_5 tiết x 9 lớp = 45. Học từ tuần 23 đến hết tuần 27. Cân đối tiết phụ đạo và ôn thi TN
7	BÙI PHAN THỊ NGÂN	GIANG	H4 DP10	Hóa: 10A2,3,4; 11A3	10A2,3,4; 11A3.	12		10A2	18	1	16	0	GDĐP: 10A1_6_CD4_6 tiết x 6 lớp = 36 tiết. Dạy từ tuần 21 đến hết tuần 26
8	ĐÀO VIỆT	HÙNG	TD1	Thế chất: 12A1,2,3,4; 11A5,6,9; 10A3,4		18	TP		19	2	19	70	
9	NGUYỄN NGỌC	HẢI	TD2	Thế chất: 12A5,6,7,8,9; 11A1,2,3; 10A5		18			18	1	16	0	
10	NGUYỄN	TRÀ	TD3	Thế chất: 11A4; 10A6,7,8,9		10	PBT		17	0	19	36	
11	DƯƠNG VĂN	THÀNH	TD4	Thế chất: 10A1,2; 11A7,8	thinh giảng	8			8		8		
12	NGUYỄN HOÀNG	DÂN	QP1 DP4 HN11	Q. Phòng: 10A6,7,8,9; 11A1,2,3,4,5; 12A1,2,3,4,5; TNHN: 10A4		17			17	0	14	0	ĐP: 12A1-A9_CD4_9 tiết (7 tiết học, 1 tiết kiểm tra giữa HKII, 1 tiết kiểm tra cuối HKII) x 9 = 81 tiết. Học từ tuần 28 đến hết tuần 35; Thêm TNHN 10A4 từ tuần 19 đến hết tuần 30

13	LÊ QUANG	TUYỀN	QP2 ĐP7 HN12	Q. Phòng: 10A1,2,3,4,5; 11A6,7,8,9; 12A6,7,8,9; 4 TIẾT (72_68 tiết) GDDP: 12_CD3,5 TNHN: 10A9		17		17	0	17	1	GDDP: 12_CD3,5_13 tiết (12 tiết học, 01 tiết ktra cuối HKI) x 9 lớp =117 tiết. Dạy từ tuần 9 đến hết tuần 22. Thêm TNHN 10A9 từ tuần 19 đến hết tuần 30
----	----------	-------	--------------------	--	--	----	--	----	---	----	---	---

TỔ CHUYÊN MÔN: SỬ - ĐỊA - KT&PL

1	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	KT1	KT&PL: 12A5,7,8 11A6,7; 10A7.		12	TTCM		15		17	-17	Cân đối tiết ôn thi TN 12
2	ĐOÀN VĂN PHẢN	KT2	KT&PL: 12A6,9		4	PHT						
3	PHẠM VĂN ĐÔNG	KT3	KT&PL: 11A5,8,9; 10A5,6,8,9.		14		11A8	18	1	16	0	
4	THÁI THỊ HUYỀN	S1	Sử: 12A1,3,4,5,9; 10A1,7,9	12A9; 10A7,9	14		12A4	18	1	19	53	
5	NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	S2	Sử: 12A2,6,7,8; 11A1,7,8; 10A8	12A7,8; 11A7,8;10A8	17		12A8	21	4	24	190	
6	LẠI THỊ HƯỜNG	S3	Sử: 10A2,3, 11A4,5,6;		10			10				Thinh giảng
7	ĐINH THỊ HIỀN	S4	Sử: 10A4,5,6; 11A2,3,9	11A9	13			12				Thinh giảng
8	BƠ NẠH RIA NAI BỬU	Đ1	Địa: 12A5,6; 11A5,8,9; 10A6,7,9	12A5,6; 11A5; 10A6	20			20	3	20	105	
9	HUỲNH PHƯƠNG TÀI	Đ2	Địa: 12A7,8,9; 11A6,7; 10A5,8	11A6; 10A5	16		12A9	20	3	20	105	

TÀI LÂM

Học cụm chuyên đề năm học 2025 - 2026

K12: 12a1=>12a4 Toán, Lý, Hóa; 12a5,6 Toán, Văn, Địa; 12a6,7,8,9 Toán, Văn, Sử.

K11: 11a1=>11a4 Toán, Lý, Hóa; 11a5,6 Văn, Toán, Địa;

11a7=>11a9 Toán, Văn, Sử;

K10: 10a1=>10a4 Toán, Lý, Hóa; 10a5,6 Văn, Toán, Địa;

10a7=>10a9 Toán, Văn, Sử;

K10, K11: học Công nghệ Trồng trọt;

K12: học Công nghệ Công nghiệp;

GDTC:

10A1,2,3,4 học Cầu lông; 11A5,6,7,8,9 học bóng đá;

11A1,2,3,4 học Cầu lông; 11A5,6,7,8,9 học bóng đá;

12A1,2,3,4 học Cầu lông; 12A5,6,7,8,9 học bóng đá;

**** Lịch sử HKII: 12 - 1 tiết/tuần; 10+11 - 2 tiết/tuần.**

Tà Hine, ngày 08 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Phấn